

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nạo vét chỉnh trị dòng chảy, hạn chế sạt lở đường bờ sông Hậu khu vực xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú và xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét Công văn số 2666/STNMT-MT ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nạo vét chỉnh trị dòng chảy, hạn chế sạt lở đường bờ sông Hậu khu vực xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú và xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang và Văn bản số 20/CV-AG ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà và Công ty Cổ phần Tàu cuốc và Xây dựng về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nạo vét chỉnh trị dòng chảy, hạn chế sạt lở đường bờ sông Hậu khu vực xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú và xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang”;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nạo vét chỉnh trị dòng chảy, hạn chế sạt lở đường bờ sông Hậu khu vực xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú và xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (sau đây gọi là Dự án) của Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà và Công ty Cổ phần Tàu cuốc và Xây dựng (sau đây gọi là Chủ dự án)

seu5

thực hiện tại xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú và xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / *sees*

Nơi nhận:

- Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà và Công ty Cổ phần Tàu cuốc và Xây dựng;
- Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: GTVT, XD, NN&PTNT, KHCN;
- UBND huyện: Châu Phú, Phú Tân;
- Ban Giám đốc;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Trung tâm CNTT/NMT (công khai thông tin);
- Phòng TN&MT huyện: Châu Phú, Phú Tân;
- UBND xã: Bình Mỹ, Bình Thạnh Đông;
- CCBVMT, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT. *VL*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Trí

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
 NẠO VÉT CHỈNH TRỊ DÒNG CHẢY, HẠN CHẾ SẠT LỞ ĐƯỜNG BỜ
 SÔNG HẬU KHU VỰC XÃ BÌNH MỸ, HUYỆN CHÂU PHÚ VÀ
 XÃ BÌNH THẠNH ĐÔNG, HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**
 (Kèm theo Quyết định số 10.21 /QĐ-STNMT ngày 05 tháng 10 năm 2022
 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nạo vét chỉnh trị dòng chảy, hạn chế sạt lở đường bờ sông Hậu khu vực xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú và xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Địa điểm thực hiện: Xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú và xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Chủ dự án đầu tư: Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà và Công ty Cổ phần Tàu cuốc và Xây dựng. Đại diện liên danh là Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà.

- Địa chỉ liên hệ: Số 30, đường Lê Công Thanh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi, quy mô:

+ Diện tích nạo vét 61,5 ha (trong đó, phần trên cạn là 6,42 ha, phần dưới nước là 55,08 ha).

+ Khối lượng nạo vét 2.401.234 m³.

+ Kích thước khu vực nạo vét: Chiều dài thiết kế luồng nạo vét 2,734 km; chiều rộng thiết kế luồng nạo vét 30 - 500 m; cao độ nạo vét -1,5 m.

+ Thời gian nạo vét: 03 năm.

- Tọa độ vị trí nạo vét:

+ Tọa độ các điểm góc ranh giới biên trên khu vực nạo vét

STT	Điểm góc	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104 ⁰ 75', múi chiếu 3 ⁰		Khoảng cách đến bờ
		X (m)	Y (m)	
1	10-TT	1 167 839,7	556 802,1	Cách bờ xã Bình Thạnh Đông 6 m
2	11-TT	1 167 793,9	556 945,1	Nằm trên bờ xã Bình Thạnh Đông
3	12-TT	1 167 758,4	557 062,6	Nằm trên bờ xã Bình Thạnh Đông
4	13-TT	1 167 714,9	557 203,7	Nằm trên bờ xã Bình Thạnh Đông

7/11

20/11/22

STT	Điểm góc	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104 ⁰ 75', múi chiếu 3 ⁰		Khoảng cách đến bờ
		X (m)	Y (m)	
5	14-TT	1 167 679,3	557 333,0	Nằm trên bờ xã Bình Thạnh Đông
6	15-TT	1 167 647,0	557 464,7	Nằm trên bờ xã Bình Thạnh Đông
7	16-TT	1 167 623,0	557 608,2	Nằm trên bờ xã Bình Thạnh Đông
8	17-TT	1 167 600,4	557 735,9	Nằm trên bờ xã Bình Thạnh Đông
9	18-TT	1 167 577,8	557 859,8	Nằm trên bờ xã Bình Thạnh Đông
10	19-TT	1 167 548,8	558 002,3	Nằm trên bờ xã Bình Thạnh Đông
11	20-TT	1 167 509,1	558 152,3	Nằm trên bờ xã Bình Thạnh Đông
12	21-TT	1 167 474,1	558 296,9	Nằm trên bờ xã Bình Thạnh Đông
13	22-TT	1 167 439,4	558 501,0	Cách bờ xã Bình Thạnh Đông 19 m
14	23-TT	1 167 421,7	558 669,6	Cách bờ xã Bình Thạnh Đông 0,6 m
15	24-TT	1 167 409,3	558 834,5	Cách bờ xã Bình Thạnh Đông 6,4 m
16	25-TT	1 167 406,1	559 137,3	Cách bờ xã Bình Thạnh Đông 27 m
17	26-TT	1 167 403,6	559 487,3	Cách bờ xã Bình Thạnh Đông 81 m
18	A1	1 167 560,4	556 655,5	Cách bờ xã Bình Mỹ 131 m
19	A2	1 167 798,2	556 752,7	Cách bờ xã Bình Thạnh Đông 70,8 m
20	10-TP	1 167 521,3	556 671,9	Cách bờ xã Bình Mỹ 92 m
21	11-TP	1 167 611,7	556 891,3	Cách bờ xã Bình Mỹ 232 m
22	12-TP	1 167 585,9	557 027,8	Cách bờ xã Bình Mỹ 233 m
23	13-TP	1 167 543,6	557 167,8	Cách bờ xã Bình Mỹ 222 m
24	14-TP	1 167 541,1	557 305,5	Cách bờ xã Bình Mỹ 237,3 m
25	15-TP	1 167 525,2	557 441,4	Cách bờ xã Bình Mỹ 228,2 m
26	16-TP	1 167 489,5	557 582,2	Cách bờ xã Bình Mỹ 200 m
27	17-TP	1 167 472,4	557 707,8	Cách bờ xã Bình Mỹ 202 m
28	18-TP	1 167 451,6	557 833,1	Cách bờ xã Bình Mỹ 214,5 m
29	19-TP	1 167 400,7	557 967,7	Cách bờ xã Bình Mỹ 190,9 m
30	20-TP	1 167 403,2	558 126,8	Cách bờ xã Bình Mỹ 247,6 m
31	21-TP	1 167 353,4	558 268,2	Cách bờ xã Bình Mỹ 244,8 m
32	22-TP	1 167 253,6	558 456,6	Cách bờ xã Bình Mỹ 204,7 m
33	23-TP	1 167 199,1	558 625,8	Cách bờ xã Bình Mỹ 197 m

STT	Điểm góc	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°75', múi chiếu 3°		Khoảng cách đến bờ
		X (m)	Y (m)	
34	24-TP	1 167 119,2	558 776,4	Cách bờ xã Bình Mỹ 169,3 m
35	25-TP	1 167 044,0	559 056,2	Cách bờ xã Bình Mỹ 80,5 m
36	26-TP	1 166 964,2	559 352,9	Cách bờ xã Bình Mỹ 146,4 m
37	A3	1 167 337,5	559 546,6	Cách bờ xã Bình Thạnh Đông 119,1 m
38	A4	1 166 936,1	559 469,4	Cách bờ xã Bình Mỹ 220,3 m

+ Tọa độ các điểm góc ranh giới biên dưới khu vực nạo vét

STT	Điểm góc	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°75', múi chiếu 3°		STT	Điểm góc	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°75', múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)			X (m)	Y (m)
1	10-DT	1167 784,1	556 779,4	20	10-DP	1 167 532,3	556 676,5
2	11-DT	1 167 717,2	556 922,5	21	11-DP	1 167 611,7	556 891,3
3	12-DT	1 167 669,2	557 044,6	22	12-DP	1 167 585,9	557 027,8
4	13-DT	1 167 631,7	557 186,2	23	13-DP	1 167 543,6	557 167,8
5	14-DT	1 167 597,0	557 316,6	24	14-DP	1 167 541,1	557 305,5
6	15-DT	1 167 563,5	557 448,7	25	15-DP	1 167 525,2	557 441,4
7	16-DT	1 167 537,6	557 591,6	26	16-DP	1 167 489,5	557 582,2
8	17-DT	1 167 514,5	557 717,0	27	17-DP	1 167 472,4	557 707,8
9	18-DT	1 167 491,7	557 841,7	28	18-DP	1 167 451,6	557 833,1
10	19-DT	1 167 461,1	557 981,9	29	19-DP	1 167 400,7	557 967,7
11	20-DT	1 167 429,4	558 133,2	30	20-DP	1 167 403,2	558 126,8
12	21-DT	1 167 394,3	558 277,9	31	21-DP	1 167 353,4	558 268,2
13	22-DT	1 167 366,4	558 483,6	32	22-DP	1 167 253,6	558 456,6
14	23-DT	1 167 342,2	558 654,1	33	23-DP	1 167 199,1	558 625,8
15	24-DT	1 167 334,7	558 819,6	34	24-DP	1 167 119,2	558 776,4
16	25-DT	1 167 334,8	559 121,3	35	25-DP	1 167 065,6	559 061,1
17	26-DT	1 167 338,0	559 419,5	36	26-DP	1 166 999,0	559 415,2

- Công suất: 800.000 m³/năm (nguyên khối). Thi công 01 ca/ngày (01 ca = 08 giờ), số ngày làm việc là 300 ngày/năm.



7/11

sew5

1.3. Công nghệ nạo vét

- Công nghệ nạo vét: Xáng cạp bóc vật liệu nạo vét lên sà lan, vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

- Trình tự nạo vét: Nạo vét theo từng luồng, hướng từ ngoài luồng vào trong luồng, từ hạ lưu lên thượng lưu.

- Quy trình nạo vét: Vật liệu nạo vét tại dự án → Phương tiện nạo vét (xáng cạp) → Phương tiện vận chuyển (sà lan) → Nơi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình

- Hạng mục công trình chính: Dự án sử dụng 05 xáng cạp có dung tích gầu $3,5 \text{ m}^3$ (03 xáng cạp hoạt động khai thác và 02 xáng cạp dự phòng) để phục vụ thi công nạo vét.

- Hạng mục công trình phụ trợ: Bến đưa rước công nhân, hệ thống cấp điện, hệ thống chống sét, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống phao, hệ thống đèn báo hiệu.

- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Kho chứa chất thải nguy hại, nhà vệ sinh di động trên sà lan, thùng chứa chất thải sinh hoạt, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở bờ sông.

Ngoài ra, trong phạm vi triển khai dự án có trụ điện cao thế đi qua nên Chủ dự án xây dựng kè rọ đá bảo vệ trụ điện cao thế, chiều dài bảo vệ là 200 m. Tọa độ vị trí kè có điểm đầu $X = 1\ 167\ 671,75$; $Y = 557\ 325,65$; điểm cuối $X = 1\ 167\ 628,87$; $Y = 557\ 520,94$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động chuẩn bị nạo vét, giải phóng mặt bằng phục vụ nạo vét; tập kết, vận chuyển máy móc thiết bị, thả phao định vị khu vực nạo vét, đóng cọc quan trắc đường bờ.

- Hoạt động nạo vét sét bùn, cát, đất bằng xáng cạp lên sà lan tải trọng 300 tấn vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại dự án.

- Hoạt động thi công xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khu vực triển khai dự án: Nằm trong phạm vi hoạt động của bến đò Thanh Bình và bến phà Năng Gù; có các hộ nuôi cá tra ven sông với diện tích khoảng 15 ha (chủ yếu tập trung từ bến đò Thanh Bình trở xuống hạ lưu phía bờ xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú và ở toàn bộ phía bờ xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân).

Handwritten signature

Handwritten signature

Phần lớn dân cư phía bờ xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân sinh sống dọc theo đường tỉnh 951, khoảng cách tối thiểu từ ranh dự án đến nhà dân là 65 m. Xung quanh dự án có nhà dân tập trung dọc theo bờ sông Hậu (chủ yếu thuộc xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú), Quốc lộ 91, đường tỉnh 951 (cách ranh dự án khoảng 140 m). Trạm cấp nước Bình Thạnh Đông cách ranh dự án tại điểm A2 khoảng 1,2 km về phía thượng nguồn sông Hậu.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn chuẩn bị nạo vét phát sinh: Nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt của công nhân; bụi, khí thải; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung; tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư; tác động đến hệ sinh thái trong khu vực; tác động đến các công trình công cộng; tai nạn giao thông; tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố tràn dầu.

- Giai đoạn nạo vét:

+ Hạng mục nạo vét phát sinh: Nước mưa chảy tràn; nước thải từ quá trình nạo vét; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ sà lan; bụi, khí thải; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung; tác động đến địa hình khu vực dự án và độ ổn định dòng chảy sông; tác động đến quá trình sạt lở, bồi tụ lòng sông; tác động đến môi trường thủy sinh và hệ sinh thái; tác động đến hoạt động giao thông vận tải đường thủy; tác động đến các đối tượng khác trong khu vực dự án; tác động đến kinh tế - xã hội; tai nạn giao thông; tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố tràn dầu.

+ Hạng mục xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông phát sinh: Nước thải sinh hoạt của công nhân; bụi, khí thải; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung; tai nạn giao thông; tai nạn lao động.

- Giai đoạn ngưng nạo vét phát sinh: Nước thải sinh hoạt; bụi, khí thải; tiếng ồn, độ rung; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung; tai nạn giao thông; tai nạn lao động.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

Đối với Dự án này, các tác động môi trường chính phát sinh chủ yếu tập trung trong giai đoạn nạo vét, cụ thể:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Hạng mục nạo vét

- Nước mưa chảy tràn trên sà lan, xáng cạp, chảy tràn phần diện tích nạo vét trên cạn của dự án: Phát sinh khoảng 42,12 m³/ngày; thành phần chủ yếu: chất cặn bã, đất, cát cuốn theo nước mưa.

- Nước thải từ quá trình nạo vét: Chủ yếu do nước mặt bị xáo trộn do quá trình nạo vét. Lượng nước này có độ đục cao, hàm lượng chất rắn lơ lửng lớn.



verls

- Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại Dự án: Phát sinh khoảng 1,98 m³/ngày; thành phần chủ yếu: các chất cặn bã (TSS), các chất hữu cơ (BOD₅/COD), dầu mỡ, chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

- Nước thải từ sà lan: Chủ yếu là nước dằn và nước vệ sinh sà lan, phát sinh khoảng 3 - 6 m³/ngày; thành phần chủ yếu: dầu mỡ (dầu nổi, nhũ tương, hoà tan), chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

- Bụi, khí thải: Phát sinh từ động cơ vận hành phương tiện nạo vét; các phương tiện vận chuyển sản phẩm nạo vét; mùi, khí thải từ hoạt động hàn cơ khí; thành phần chủ yếu: các loại bụi có kích thước nhỏ và các khí thải do đốt nhiên liệu như CO, SO₂, NO_x.

3.1.2. Hạng mục xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông

- Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại Dự án: Phát sinh khoảng 1,67 m³/ngày; thành phần chủ yếu: các chất cặn bã (TSS), các chất hữu cơ (BOD₅/COD), dầu mỡ, chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

- Bụi, khí thải: Phát sinh từ các phương tiện cơ giới thi công xây dựng công trình kè rọ đá bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông; thành phần chủ yếu: các loại bụi có kích thước nhỏ và các khí thải do đốt nhiên liệu như CO, SO₂, NO_x.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Hạng mục nạo vét

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 31,5 kg/ngày; thành phần chủ yếu: thức ăn dư thừa, hộp đựng thức ăn, bọc nylon.

- Chất thải nguy hại: Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng, giẻ lau dính dầu nhớt, que hàn thải, xỉ hàn thải phát sinh khoảng 10 kg/tháng; dầu nhớt thải phát sinh khoảng 42 lít/lần thay và bình ắc-quy thải phát sinh khoảng 20 kg/lần thay.

3.2.2. Hạng mục xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông

- Chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 36 kg/ngày; thành phần chủ yếu: hộp đựng thức ăn, vỏ trái cây, thức ăn dư thừa.

+ Chất thải rắn thông thường khác: Gồm sắt thép vụn phát sinh khoảng 15 - 20 kg và vãi địa kỹ thuật hư hỏng phát sinh khoảng 5 kg.

- Chất thải nguy hại: Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng, giẻ lau dính dầu nhớt, que hàn thải, xỉ hàn thải phát sinh khoảng 5,5 kg/tháng; dầu nhớt thải phát sinh khoảng 14 lít/lần thay và bình ắc-quy thải phát sinh khoảng 20 kg/lần thay.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Handwritten signature

Handwritten mark

- Hạng mục nạo vét: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện nạo vét và hoạt động của phương tiện vận chuyển sản phẩm nạo vét tại khu vực Dự án.

- Hạng mục xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện vận chuyển đá; phương tiện cơ giới tham gia quá trình đóng cọc gia cố bờ sông khi xảy ra sạt lở và phương tiện tham gia xây dựng công trình kè rọ đá bảo vệ trụ điện cao thế.

3.4. Các tác động khác

- Hạng mục nạo vét: tác động đến địa hình khu vực dự án và độ ổn định dòng chảy sông; tác động đến quá trình sạt lở, bồi tụ lòng sông; tác động đến môi trường thủy sinh và hệ sinh thái; tác động đến hoạt động giao thông vận tải đường thủy; tác động đến các đối tượng khác trong khu vực dự án; tác động đến kinh tế - xã hội; tai nạn giao thông; tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố tràn dầu.

- Hạng mục xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông: Tai nạn giao thông; tai nạn lao động.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a. Hạng mục nạo vét

- Nước mưa chảy tràn: Hạn chế dầu, xăng, nhớt rơi vãi từ các phương tiện thi công; thường xuyên vệ sinh máy móc, thiết bị, phương tiện tham gia hoạt động nạo vét; bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy kín, không làm rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt ra ngoài.

- Nước thải từ quá trình nạo vét: Tuân thủ đúng biện pháp thi công nạo vét; không thay đổi thường xuyên vị trí nạo vét; duy trì khoảng cách tối thiểu giữa các phương tiện nạo vét là 200 m; sử dụng các thiết bị nạo vét chuyên dụng.

- Nước thải sinh hoạt: Trên mỗi sà lan bố trí 01 nhà vệ sinh di động composite có 02 buồng, kích thước 260x270x135 cm, thùng chứa chất thải có thể tích 2.500 lít. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nước thải định kỳ 07 ngày/lần.

- Nước thải từ sà lan: Tiến hành vệ sinh, thu gom dầu mỡ rơi vãi, thu gom chất thải rắn trên sà lan mở đáy, trước khi dùng nước vệ sinh; thường xuyên kiểm tra các thùng đựng nhiên liệu, phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ dầu để ngăn chặn và thu hồi; có các biện pháp che chắn mưa an toàn cho những vị trí thường hay rơi vãi dầu nhớt.

b. Hạng mục xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông



- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động composite có 02 buồng, kích thước 260x270x135 cm đã được trang bị sẵn có trên sà lan.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt của Dự án được thu gom tại các nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

a. Hạng mục nạo vét

- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại; sử dụng nhiên liệu hạn chế gây ô nhiễm môi trường như dầu DO.

- Thường xuyên bảo trì, kiểm định thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Không vận chuyển vật liệu trong thời gian nghỉ ngơi (từ 11 giờ đến 13 giờ và từ 17 giờ đến 7 giờ sáng hôm sau).

- Không chở quá tải trọng quy định.

b. Hạng mục xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông

- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, đạt tiêu chuẩn; sử dụng nhiên liệu hạn chế gây ô nhiễm môi trường như dầu DO.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Hạng mục nạo vét: Trên mỗi sà lan bố trí 01 thùng chứa rác loại 50 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

b. Hạng mục xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào thùng chứa rác loại 50 lít đã được trang bị sẵn có trên sà lan; yêu cầu công nhân thu gom rác vào thùng chứa rác, tuyệt đối không vứt rác xuống sông.

- Chất thải rắn thông thường khác:

+ Vải địa kỹ thuật hư hỏng trong quá trình xây dựng kè rọ đá: Thu gom, xử lý theo quy định.

+ Sắt thép vụn: Thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

7/11

7/11

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Hạng mục nạo vét: Trên mỗi phương tiện bố trí 06 thùng chứa loại 100 lít, bố trí khu vực lưu giữ có diện tích 4 m² để thu gom chất thải nguy hại phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Hạng mục xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông: Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình này được thu gom, lưu trữ vào 06 thùng chứa loại 100 lít và kho chứa chất thải nguy hại đã được bố trí sẵn có trên sà lan.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Hạng mục nạo vét

- Không tiến hành vận chuyển, vận hành các thiết bị, máy móc phục vụ quá trình hoạt động Dự án vào lúc nghỉ trưa và ban đêm.

- Yêu cầu chủ phương tiện vận chuyển phải đảm bảo sử dụng còi theo đúng quy định của ngành giao thông.

- Sử dụng trang thiết bị, máy móc hiện đại; tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các phương tiện, máy móc thiết bị kỹ thuật, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình nạo vét.

- Không sử dụng quá nhiều máy móc, thiết bị gây ồn lớn vào cùng một thời điểm để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thông báo kế hoạch thi công nạo vét với chính quyền địa phương để có kế hoạch phối hợp thích hợp.

4.3.2. Hạng mục xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông

- Định kỳ bảo trì máy móc, thiết bị.

- Yêu cầu công nhân điều khiển phương tiện vận chuyển phải đảm bảo sử dụng còi theo đúng quy định của ngành giao thông.

- Không tiến hành vận chuyển, vận hành các thiết bị, máy móc vào lúc nghỉ trưa và vào ban đêm.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân.



- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Không có.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a. Hạng mục nạo vét

- Phòng tránh tai nạn giao thông: Quy định tốc độ của các phương tiện vận chuyển trong khu vực dự án; yêu cầu phương tiện vận chuyển chuyên chở vật liệu đúng tải trọng quy định; chấp hành đúng quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa; yêu cầu công nhân neo đậu xáng cạp chắc chắn và thắp sáng đèn báo hiệu vào ban đêm.

- Biện pháp an toàn lao động: Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; thường xuyên kiểm tra an toàn lao động và vệ sinh môi trường; quy định nội quy làm việc tại Dự án; trang bị tủ y tế tại sà lan và các trang thiết bị sơ cấp cứu khẩn cấp.

- Phòng tránh sự cố cháy nổ: Nhiên liệu bố trí trong thùng kín, lưu trữ trong kho; thường xuyên kiểm tra các thùng chứa nhiên liệu; trang bị máy bơm, bình CO₂ ở khu vực dự án; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ (kho chứa nhiên liệu); xây dựng và thực hiện phương án phòng cháy chữa cháy; tổ chức tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra công tác phòng chống cháy nổ tại Dự án.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu: Ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu để kịp thời ứng phó khi xảy ra sự cố; khi có sự cố tràn dầu xảy ra, báo cáo đến các cơ quan chức năng để được hỗ trợ và khắc phục sự cố trong thời gian nhanh nhất.

- Biện pháp ứng phó sự cố sạt lở bờ sông: Đóng 56 cọc bê tông theo dõi hai bờ sông Hậu tại khu vực nạo vét; khi xảy ra sự cố sạt lở, tiến hành gia cố bờ sông bằng biện pháp đóng cọc tràm, gia cố bờ bằng bao tải cát, thả bao tải cát xuống hồ xói.

b. Hạng mục xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và công trình ứng phó sự cố sạt lở bờ sông

- Phòng tránh tai nạn giao thông: Trang bị và lắp đặt đầy đủ biển báo tại các vị trí kè để các phương tiện thấy được; thông báo đầy đủ cho người dân trong khu vực thông tin về tuyến công trình; yêu cầu các phương tiện vận chuyển đúng tải trọng quy định; bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện theo quy định.

- Biện pháp an toàn lao động: Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; tuyên truyền nâng cao ý thức cho công nhân về an toàn lao động; bắt buộc công nhân sử dụng trang, thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc tại Dự án.

Handwritten signature

Handwritten signature

- Biện pháp quản lý và bảo quản công trình kè rọ đá bảo vệ trụ điện cao thế: Bố trí nhân viên định kỳ đến vị trí dự án kiểm tra với tần suất 01 tháng/lần; cấm các biển cảnh báo không cho phép ghe thuyền neo vào tường kè gây mất an toàn cho công trình; nghiêm cấm việc đào bới khu vực sát chân kè; trong quá trình quản lý nếu phát hiện có sự cố cần báo cáo cấp có thẩm quyền để giải quyết kịp thời; sửa chữa những vị trí hư hỏng trên tuyến kè; tuyên truyền, giáo dục nhân dân trong vùng hưởng lợi tích cực tham gia quản lý bảo vệ công trình.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc nạo vét đến địa hình khu vực dự án, độ ổn định dòng chảy sông:

+ Biện pháp khống chế độ sâu nạo vét: Tuân thủ đúng luồng nạo vét đã được thiết kế; quản lý chặt chẽ phạm vi nạo vét của từng khai trường, khống chế độ sâu nạo vét, khoảng cách từ khu vực nạo vét đến bờ sông; tổ chức nạo vét theo hướng từ hạ nguồn lên thượng nguồn; ngăn cấm việc nạo vét tập trung lâu ngày tại một chỗ với nhiều phương tiện, tránh khoét sâu đáy sông tại một chỗ; nạo vét đúng công suất được cấp phép, đúng số lượng thiết bị.

+ Biện pháp quản lý khu vực nạo vét: Tiến hành thả phao theo phương án an toàn giao thông và trang bị GPS cho các phương tiện nạo vét để xác định tọa độ phạm vi khu vực nạo vét.

+ Biện pháp quản lý sản lượng nạo vét: Thực hiện nạo vét theo đúng thời gian quy định; thông kê sản lượng cát được nạo vét theo các hóa đơn, chứng từ; sử dụng xáng cạp và sà lan vận chuyển có tải trọng và đã được đăng kiểm theo đúng quy định.

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động sạt lở, bồi tụ lòng sông: Nạo vét đúng cao độ theo thiết kế; phân công cán bộ giám sát, giám định về chuyên môn để điều chỉnh tiến độ và tốc độ nạo vét phù hợp với biến động về môi trường; khi xảy ra sự cố sạt lở đường bờ, Chủ dự án tạm ngừng nạo vét báo cáo cơ quan chức năng xem xét đánh giá nguyên nhân sạt lở, chịu trách nhiệm khắc phục nếu nguyên nhân do hoạt động dự án gây ra, sau khi khắc phục xong sẽ tiến hành nạo vét tiếp.

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường thủy sinh, hệ sinh thái: Thiết kế nạo vét theo một trật tự nhất định từ đầu đến cuối từng đoạn luồng, không nạo vét xáo trộn và thay đổi liên tục vị trí nạo vét.

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến giao thông vận tải đường thủy: Tiến hành cấm cò, lắp đèn báo hiệu, cấm phao xác định ranh giới khu vực nạo vét trước khi tiến hành nạo vét; khi nạo vét tại các khu vực có giao cắt với sông kênh khác sẽ bố trí báo hiệu để hướng dẫn phương tiện thủy lưu thông; đảm bảo an toàn giao thông đường thủy trong suốt quá trình thi công nạo vét.

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến các đối tượng kinh tế - xã hội trong khu vực dự án: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu và quản lý chặt chẽ về nước thải, rác thải, dầu mỡ rơi vãi; thỏa thuận với các hộ dân nuôi trồng thủy

sản, Công ty TNHH MTV Phà An Giang, Chủ bến đò Thanh Bình và đi đến sự đồng thuận trước khi thực hiện dự án; thông báo cho các hộ dân nuôi trồng thủy sản và các đơn vị thời gian thực hiện dự án; lắng nghe ý kiến phản ánh của người dân và các dự án khác hoạt động xung quanh khu vực; nếu việc nạo vét của dự án gây tác động, ảnh hưởng đến việc nuôi trồng thủy sản của các hộ dân trong khu vực triển khai thực hiện dự án, Chủ dự án cam kết đền bù, hỗ trợ kinh phí cho các trường hợp bị thiệt hại khi xác định nguyên nhân do quá trình triển khai dự án gây ra; cam kết hỗ trợ người dân gặp khó khăn trong quá trình bàn giao mặt bằng thực hiện dự án; hỗ trợ xây dựng một số tuyến giao thông nông thôn và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng nông thôn mới tại khu vực dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của chủ dự án đầu tư

5.1. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 03 điểm trên sông Hậu.

+ 01 điểm tại thượng nguồn cách khu vực nạo vét 100 m.

+ 01 điểm tại hạ nguồn cách khu vực nạo vét 100 m.

+ 01 điểm tại điểm 19-P.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅ (20⁰C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), Tổng dầu, mỡ, Chì (Pb), Asen (As), Cadimi (Cd), Thủy ngân (Hg), Đồng (Cu), Crom VI (Cr⁶⁺), Sắt (Fe) và Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột A2.

5.2. Giám sát trầm tích

- Vị trí giám sát: 03 điểm trùng với vị trí giám sát môi trường nước mặt.

+ 01 điểm tại thượng nguồn cách khu vực nạo vét 100 m.

+ 01 điểm tại hạ nguồn cách khu vực nạo vét 100 m.

+ 01 điểm tại điểm 19-P.

- Thông số giám sát: Kẽm (Zn), Cadimi (Cd), Asen (As), Chì (Pb), Thủy ngân (Hg), Đồng (Cu).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 43:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.

5.3. Giám sát động vật đáy

- Vị trí giám sát: 03 điểm trùng với vị trí giám sát môi trường nước mặt.

+ 01 điểm tại thượng nguồn cách khu vực nạo vét 100 m.

7/11

seres

+ 01 điểm tại hạ nguồn cách khu vực nạo vét 100 m.

+ 01 điểm tại điểm 19-P.

- Thông số giám sát: Định tính, định lượng động vật đáy trong mẫu thu thập.

- Tần suất giám sát: 01 lần/năm.

5.4. Giám sát địa hình đáy sông, độ sâu nạo vét và thống kê, kiểm kê trữ lượng cát

- Nội dung: Đo đạc địa hình đáy sông, đo đạc độ sâu nạo vét, lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực nạo vét.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

5.5. Giám sát sạt lở đường bờ

- Nội dung:

+ Theo dõi định kỳ, thường xuyên những diễn biến về dòng chảy bằng phương pháp thủy văn và giám sát đường bờ bằng cách đóng 56 cọc quan trắc dọc hai bên bờ sông Hậu tại khu vực nạo vét, mỗi cọc cách nhau khoảng 100 m. Tần suất: 01 tháng/lần.

+ Theo dõi diễn biến của quá trình thay đổi địa hình hai bên bờ sông, phát hiện kịp thời các hiện tượng rạn nứt, sạt lở gần khu vực nạo vét và phía thượng nguồn. Xử lý xói lở bờ sông và thông báo tình hình sạt lở, biện pháp xử lý với cơ quan có chức năng của địa phương.

5.6. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nội dung: Khối lượng chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh, công tác thu gom, phân định, phân loại.

- Vị trí giám sát: Tại thiết bị lưu chứa, kho chứa chất thải.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

5.7. Giám sát hành trình các phương tiện nạo vét

- Nội dung: Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị nạo vét.

- Vị trí giám sát: Trên mỗi sà lan.

- Tần suất giám sát: Liên tục 24/24 giờ.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Dự án chỉ được phép triển khai thực hiện khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Cục đường thủy nội địa Việt Nam về các nội dung liên quan đến an toàn giao thông, luồng đường thủy nội địa theo quy định; có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của ngành điện lực và ngành xây dựng về phương án xây dựng công trình bảo vệ trụ điện cao thế và phương án tháo dỡ trụ điện cũ, không còn sử

TKL

2025



dụng nằm phía dưới lòng sông khu vực nạo vét thuộc bờ xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện khoanh định ranh giới Dự án; tổ chức nạo vét theo đúng phạm vi tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; bảo đảm khoảng cách an toàn từ các vị trí nạo vét tới bờ sông và tuân thủ nghiêm các yêu cầu về an toàn trong thiết kế được phê duyệt.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch nạo vét phù hợp và phương án điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy qua khu vực theo đúng quy định của pháp luật; có phương án phòng ngừa, ứng cứu các sự cố, tai nạn giao thông đường thủy trong quá trình triển khai dự án. Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm về phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

- Cắm mốc các điểm khép góc khu vực nạo vét; lắp đặt bảng thông báo tại bờ sông thuộc phạm vi khu vực nạo vét để công khai thông tin về Dự án với các nội dung: tọa độ, diện tích và sơ đồ phạm vi khu vực nạo vét; thời gian nạo vét; tên, phương tiện, thiết bị sử dụng để nạo vét. Có các hình thức thông báo đến các cá nhân, các tổ chức có liên quan trong thời gian triển khai các hoạt động của dự án. Có các biện pháp thông tin tới cộng đồng dân cư xung quanh về phạm vi nạo vét, các hoạt động chính của dự án, các tác động xấu đối với môi trường và cộng đồng cũng như các biện pháp giảm thiểu được thực hiện; phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện (nếu có phát sinh) theo đúng các quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định của Luật khoáng sản, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và các quy định của địa phương. Tuân thủ các quy định về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước. Không gây xói, lở lòng sông, gây mất ổn định bờ, bãi sông và ảnh hưởng đến chức năng của nguồn nước. Tuân thủ các quy định về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông trong suốt quá trình nạo vét đáp ứng các yêu cầu của Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông và theo các quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa.

- Sử dụng vật liệu nạo vét từ dự án theo đúng quy định của cơ quan có thẩm quyền và theo các quy định của pháp luật về khoáng sản. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý, tổ chức thi công nạo vét phù hợp nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến hệ sinh thái thủy sinh, cảnh quan, môi trường, chất lượng nước sông, dòng chảy và những ảnh hưởng bất lợi đến các hoạt động nuôi trồng thủy sản, kinh tế, dân sinh, giao thông ở các khu vực diễn ra các hoạt động của Dự án.

- Trong thời gian nạo vét, theo dõi, giám sát các hiện tượng bồi lắng, xói lở thay đổi dòng chảy trong khu vực dự án. Trường hợp đang thực hiện việc nạo vét mà có hiện tượng sạt, lở bờ thì phải tạm dừng việc nạo vét, đồng thời báo cáo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới lòng, bờ bãi sông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định phương án xử lý, cần thiết phải điều chỉnh phương án,

[Handwritten mark]

[Handwritten signature]

các thông số nạo vét phù hợp để bảo đảm giảm thiểu tác động tới cảnh quan, môi trường, đặc biệt là sự cố sạt lở, sụt lún.

- Xây dựng và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố tràn dầu, phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đầu tư các phương tiện, trang thiết bị cần thiết và có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các sự cố tràn dầu, cháy nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác có thể xảy ra.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Trường hợp có quy chuẩn môi trường mới thay đổi quy chuẩn này thì các chỉ tiêu giám sát và quy chuẩn so sánh được thực hiện theo quy chuẩn mới.

- Kiểm tra, quản lý chặt chẽ các chất thải từ các phương tiện nạo vét, đảm bảo mọi loại chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động thi công nạo vét của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, trật tự, vệ sinh và phòng, chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường trong quá trình nạo vét theo đúng quy định tại Nghị định số 159/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28 tháng 11 năm 2018 về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Chủ Dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước và các quy hoạch đã được phê duyệt có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án./.

TK
S



